

Bản án số: 37/2026/HNGĐ-ST

Ngày 23 - 01 - 2026

Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8, TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Thạch Đoàn
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Minh Hoàng, ông Nguyễn Văn Tâm
- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phú Thanh Thiện, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Cà Mau.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thúy Duy – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 688/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025 về việc “*Tranh chấp xin ly hôn*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2026/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Hồng N, sinh năm 1981. Căn cước công dân 095181006171, ngày cấp 14/12/2023. Cơ qian cấp: Cục Q về TTXH, Bộ C1.

Địa chỉ: Ấp V, xã A, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lee Seung Y, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 5 G-ro 57 beon-gil, Hongdong-myeom, Hongseong-gun, C-do, K. Hộ chiếu số M1314124, ngày cấp 12/07/2017, ngày hết hạn 12/07/2027. Cơ quan cấp: Bộ N1.

(Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Hồng N trình bày:

Chúng tôi quan hệ là vợ chồng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2024-0703. Tổng lãnh sự quán Đ tại Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/03/2024, đã ghi vào Sổ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu số 35 ngày 14/04/2024.

Sau khi kết hôn anh chị sống chung được vài năm, nhưng thường xuyên cự cãi và dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng. Trong cuộc sống, cảm thấy bất đồng quan điểm

với nhau, nên không thể hàn gắn được mặc dù đã cố gắng nhưng không bao lâu thì mâu thuẫn lại tiếp tục diễn ra, chúng tôi đã quá mệt mỏi khi phải sống như vậy và xét thấy quan hệ vợ chồng không còn có khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài. Nên chị xin được ly hôn với chồng anh Lee Seung Y.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị N xác định không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Bị đơn anh Lee Seung Y*: Sau khi thụ lý vụ án, anh Lee Seung Y gửi văn bản trình bày ý kiến như sau: Anh và chị Phạm Hồng N quen biết nhau qua mai mối, sau khi tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Hàn Quốc và được cấp giấy chứng nhận quan hệ hôn nhân theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Sau khi kết hôn thì anh chị chung sống với nhau được 09 tháng tại gia đình của anh, địa chỉ: Certral T, 306-1906, 86 D-ro, D-gu, G-si, K1-do. Năm 2023 chị N về Việt Nam để phỏng vấn tại Đại Sứ quán H ở thành Phố Hồ Chí Minh nhưng nhiều lần không đạt nên chị N không thể sang Hàn Quốc để vợ chồng chung sống với nhau.

Anh chị không còn chung sống với nhau từ tháng 06/2024 nên tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không giữ liên lạc và không ai quan tâm đến ai, chị N cũng không thể sang Hàn Quốc để vợ chồng đoàn tụ nên khả năng anh chị hàn gắn tình cảm vợ chồng là không thể, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý.

Trong thời gian chung sống anh và chị N không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ chung nên tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đồng Thời anh Lee Seung Y đơn xin được xét xử vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 8 – Cà Mau phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa.

Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đồng thời có đơn xin vắng mặt. Căn cứ Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Hồng N; Con chung, tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Phạm Hồng N yêu cầu ly hôn với anh Lee Seung Y có quốc tịch Hàn Quốc và đang cư trú tại Hàn Quốc nên căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35 và khoản 1 Điều 37, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cà Mau.

[3] Sau khi thụ lý, chị Phạm Hồng N và anh Lee Seung Y đã cung cấp bản tự khai, đơn xin vắng mặt tất cả các phiên hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N và anh Y.

[4] Về nội dung vụ án: Anh Lee Seung Y và chị Phạm Hồng N quen biết nhau qua mai mối, sau khi tìm hiểu thì tiến đến hôn nhân, tự nguyện đăng ký kết hôn tại nước Hàn Quốc và được cấp giấy đăng ký kết hôn ngày 19/03/2024 theo quy định nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Chị N và anh Lee Seung Y xác định, do chị N phỏng vấn nhiều đề sang Hàn Quốc nhưng không đạt, từ đó vợ chồng anh chị sống xa nhau, dần dần tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, xảy ra nhiều mâu thuẫn và bất đồng ý kiến, anh chị đã sống ly thân từ tháng 06/2024 cho đến nay. Trong thời gian này anh chị không có cách nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, hiện nay anh chị không còn tình cảm nữa và không còn sống chung với nhau. Nay chị N yêu cầu ly hôn thì anh Y đồng ý. Xét thấy đời sống hôn nhân giữa chị N và anh Y đã lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 55, 121, 122, 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Hồng N, công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[5] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Do chị N, anh Y xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

[7] Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 và điểm d khoản 1 Điều 469, điểm c khoản 6 Điều 477, khoản 3 Điều 479 của Bộ luật tố Tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 51, 55, 121, 122, 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Thông tư liên tịch số 12/2016/TTLT-BTP-BNG-TANDTC ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tư pháp – Bộ N1 – Tòa án nhân dân tối cao quy định về trình tự, thủ tục tương trợ tư pháp trong lĩnh vực dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Hồng N. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Hồng N và anh Lee Seung Y.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Hồng N và anh Lee Seung Y xác định không có con chung, tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

3. Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Chị Phạm Hồng N tự nguyện chịu án phí là 150.000 đồng. Chị N đã dự nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0006406 ngày 16/12/2025, chuyển thu 150.000 đồng, chị được hoàn lại 150.000 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8, Cà Mau.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND tỉnh Cà Mau;
- Sở Tư pháp tỉnh Cà Mau;
- Phòng THADSKV8-CM;
- UBND xã An Trạch;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Thạch Đoàn